



**CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU
THỐNG KÊ**

LƯU VCPA

Mã số thuế: 0100111659

Ngày 28 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 29 tháng 5 năm 2018



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Xuân Toàn



CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

Ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận

Đống Đa, TP Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-21
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-21



CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

Ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận
Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 108801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 07 năm 1993, được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV theo quyết định số 715/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 30 tháng 05 năm 2011.

Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111659 thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 11 năm 2012.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Địa chỉ trụ sở chính: Số 6B Hoàng Diệu, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Quốc Dũng	Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Xô	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Tin (VCPA) đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, VCPA bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

Ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận

Đống Đa, TP Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trương Quốc Dũng

Giám đốc

Ngày 16 tháng 03 năm 2017



Số: 1720/2017/BCKT-TC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT TIN

Trụ sở chính: Số 4, lô 1C Khu đô thị Trung Yên,

Phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 04.3783.5986/ Fax: 04.3783.5986

Email: kiemtoanviettin@vcpa.com.vn

Web: www.viettinaudit.vn

www.vcpa.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**

Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập Ngày 16 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu Thống kê tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lý Trí Hùng

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1648-2014-237-1

Hà Nội, Ngày 16 tháng 03 năm 2017



Cao Thị An

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2916-2014-237-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.000.668.418	3.239.767.368
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.905.280.956	916.088.465
111	1. Tiền		1.905.280.956	916.088.465
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.702.654.267	2.193.542.150
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	2.509.806.097	1.936.092.405
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		150.000.000	250.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	42.848.170	7.449.745
140	IV. Hàng tồn kho	6	392.566.625	120.936.753
141	1. Hàng tồn kho		392.566.625	120.936.753
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		166.570	9.200.000
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	166.570	9.200.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		311.046.732	324.885.039
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		217.527.034	313.766.854
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	217.527.034	313.766.854
222	- Nguyên giá		2.356.785.145	2.356.785.145
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.139.258.111)	(2.043.018.291)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		93.519.698	11.118.185
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	93.519.698	11.118.185
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.311.715.150	3.564.652.407

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

M.S.D.N: 0100111659-C.T.T.N.H.

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
IN VÀ PHÁT HÀNH
BIỂU MẪU
THỐNG KÊ

Đ. DỒNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI

Lập, Ngày 16 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

Ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận

Đống Đa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13	10.749.666.253	6.042.772.064
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.749.666.253	6.042.772.064
11	4. Giá vốn hàng bán	14	9.335.074.692	5.285.589.953
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.414.591.561	757.182.111
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	6.655.612	3.675.555
22	7. Chi phí tài chính	16	11.025.000	83.334
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.025.000	83.334
25	8. Chi phí bán hàng	17	10.390.000	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	956.010.606	703.655.199
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		443.821.567	57.119.133
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		1	1.002
40	13. Lợi nhuận khác		(1)	(1.002)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		443.821.566	57.118.131
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	51.274.258	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		392.547.308	57.118.131

Ugar

Triệu Hương Giang
Người lập

Ugar

Triệu Hương Giang
Kế toán trưởng

Ugar

Trương Quốc Dũng
Giám đốc

Lập, Ngày 16 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

Ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,
quận Đống Đa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		11.245.179.179	6.189.212.095
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(7.432.683.584)	(3.551.813.714)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.803.062.339)	(1.628.050.172)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(11.025.000)	(35.500.000)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(9.200.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		576.428.849	90.385.438
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.592.300.226)	(877.305.906)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		982.536.879	177.727.741
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.655.612	3.675.555
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.655.612	3.675.555
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		500.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(500.000.000)	(250.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(250.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		989.192.491	(68.596.704)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		916.088.465	984.685.169
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	1.905.280.956	916.088.465

Triệu Hương Giang
Người lập

Triệu Hương Giang
Kế toán trưởng

Trương Quốc Dũng
Giám đốc

Lập, Ngày 16 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 108801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 07 năm 1993, được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV theo quyết định số 715/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 30 tháng 05 năm 2011.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 990.588.911 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 990,588,911 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

In ấn

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- In ấn: In chứng từ, biểu mẫu thống kê, kế toán, hóa đơn tài chính, xuất bản phẩm và giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Dịch vụ liên quan đến in: Phát hành sách, chứng từ ghi chép ban đầu, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu báo cáo và các loại giấy tờ sổ sách dùng trong quản lý kinh tế xã hội;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: Kinh doanh văn hóa phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh nhà nghỉ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 08 năm |

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

2.10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

2.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

Giá thành sản xuất các sản phẩm trong kỳ được xác định trên cơ sở ước tính của kế toán.

2.15. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16. Các khoản thuế

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊNgõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,
quận Đống Đa, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	303.986.131	48.580.332
Tiền gửi ngân hàng	1.601.294.825	867.508.133
Cộng	1.905.280.956	916.088.465

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.509.806.097	1.936.092.405
Công ty TNHH AK Việt Nam	59.881.973	65.936.578
Công ty CP Xuất nhập khẩu Bao bì An Thịnh	1.144.700.958	
Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ	56.760.000	
Tổng Công ty truyền tải điện quốc gia	56.550.000	
Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại Hà Anh I	57.394.066	130.994.066
Công ty TNHH MTV In thống kê TP.Hồ Chí Minh	652.343.813	
Cơ sở bánh đậu xanh Nguyên Hưng	99.312.591	100.802.591
Cơ sở bánh khảo Nhân Hưng	64.714.306	150.772.031
- Các khoản phải thu khách hàng khác	318.148.390	1.487.587.139
Cộng	2.509.806.097	1.936.092.405

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	42.848.170	-	7.449.745	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội của ông Giao	-	-	7.153.575	-
Ký cược, ký quỹ	42.000.000	-	-	-
Phải thu khác	848.170	-	296.170	-
Cộng	42.848.170	-	7.449.745	-

CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊNgõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,
quận Đống Đa, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	372.369.915	-	120.936.753	-
Hàng hoá	20.196.710	-	-	-
Cộng	392.566.625	-	120.936.753	-

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	639.878.000	1.716.907.145	2.356.785.145
- Mua trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	639.878.000	1.716.907.145	2.356.785.145
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	417.580.832	1.625.437.459	2.043.018.291
- Khấu hao trong kỳ	27.148.908	69.090.912	96.239.820
Số dư cuối năm	444.729.740	1.694.528.371	2.139.258.111
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	222.297.168	91.469.686	313.766.854
Tại ngày cuối năm	195.148.260	22.378.774	217.527.034
<i>Trong đó:</i>			
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			448.805.000

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
b) Dài hạn	93.519.698	11.118.185
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	2.583.333	11.118.185
Chi phí thuê dịch vụ làm GCN QSD đất giá trị lớn	90.936.365	-
Cộng	93.519.698	11.118.185

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	2.827.247.481	2.827.247.481	1.460.625.730	1.460.625.730
Gia công Đông Hà	249.700.000	249.700.000	78.860.000	78.860.000

CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊNgõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,
quận Đống Đa, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty CP In khoa học công nghệ mới	531.720.560	531.720.560	-	-
Công ty TNHH Bao bì và giấy Phương Bắc	350.051.273	350.051.273	19.954.148	19.954.148
Cty TNHH In và dịch vụ thương mại Phú Thịnh	1.188.792.011	1.188.792.011	360.000.000	360.000.000
Phải trả các đối tượng khác	506.983.637	506.983.637	1.001.811.582	1.001.811.582
Cộng	2.827.247.481	2.827.247.481	1.460.625.730	1.460.625.730

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được thuyết minh tại trang 20 của báo cáo này.

11 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.456.719	1.437.500
- Bảo hiểm xã hội	1.456.719	-
- Bà Nhâm Thị Thắm	-	1.437.500
Cộng	1.456.719	1.437.500

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn chủ sở hữu được thuyết minh tại trang 21 của báo cáo này.

13 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.984.031.365	370.370.684
Doanh thu bán thành phẩm	7.260.135.341	5.055.294.697
Doanh thu cung cấp dịch vụ	505.499.547	617.106.683
- Doanh thu cho thuê nhà	505.499.547	617.106.683
Cộng	10.749.666.253	6.042.772.064

14 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.876.051.166	5.034.945.458
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.459.023.526	250.644.495
Cộng	9.335.074.692	5.285.589.953

CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊNgõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,
quận Đống Đa, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

15 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.655.612	3.675.555
Cộng	6.655.612	3.675.555

16 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.025.000	83.334
Cộng	11.025.000	83.334

17 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí khác bằng tiền	10.390.000	-
Cộng	10.390.000	-

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	690.824.188	574.620.625
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.343.942	10.884.847
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.148.908	27.148.908
Thuế, phí, lệ phí	-	1.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.172.737	22.355.377
Chi phí khác bằng tiền	213.520.831	67.645.442
Cộng	956.010.606	703.655.199

19 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	443.821.566	57.118.131
Các khoản điều chỉnh tăng	-	116.354.700
- Chi phí không hợp lệ	-	116.354.700
Các khoản điều chỉnh giảm	(187.450.274)	(173.472.831)
- Chuyển lỗ các năm trước	(187.450.274)	(173.472.831)
Thu nhập tính thuế TNDN	256.371.292	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51.274.258	-

Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay

CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

Ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,
quận Đống Đa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(9.200.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	42.074.258	-

20 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

21 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	273.403.150	256.778.540

22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đã được Công ty TNHH Kiểm toán Việt Tin kiểm toán.



Triệu Hương Giang
Người lập



Triệu Hương Giang
Kế toán trưởng



Trương Quốc Dũng
Giám đốc

Lập, Ngày 16 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

Ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,

Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	122.573.206	1.074.966.619	1.177.247.388	-	20.292.437
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.200.000	-	51.274.258	-	-	42.074.258
Thuế Thu nhập cá nhân	-	3.608.430	1.621.074	5.396.074	166.570	-
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	187.052.022	187.052.022	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
	9.200.000	126.181.636	1.314.913.973	1.369.695.484	166.570	62.366.695

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH MTV IN VÀ PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KẾ

Ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	-		-		-		-	
Tăng vốn trong năm trước	990.588.911		971.304.900		(244.568.405)		1.717.325.406	
Lãi/lỗ trong năm trước	-		-		57.118.131		57.118.131	
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		-	
Mua cổ phiếu quỹ	-		-		-		-	
Tăng khác	-		-		-		-	
Giảm vốn trong năm trước	-		-		-		-	
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-		-		-		-	
Giảm khác	-		-		-		-	
Số dư cuối năm trước	990.588.911		971.304.900		(187.450.274)		1.774.443.537	
Số dư đầu năm nay	990.588.911		971.304.900		(187.450.274)		1.774.443.537	
Tăng vốn trong năm nay	-		-		-		-	
Lãi/lỗ trong năm nay	-		-		392.547.308		392.547.308	
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		-	
Mua cổ phiếu quỹ	-		-		-		-	
Tăng khác	-		-		-		-	
Giảm vốn trong năm nay	-		-		-		-	
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-		-		-		-	
Giảm khác	-		-		-		-	
Số dư cuối năm nay	990.588.911		971.304.900		205.097.034		2.166.990.845	

